

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HS-ST
Ngày 21-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Hà Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Thị T - Sinh năm 1981. Nơi sinh: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Lương Văn T, đã chết; Con bà: Ngân Thị T, sinh năm 1952; Có chồng: Lương Văn T1, sinh năm 1976; Có 01 con, sinh năm 2001. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-10-2017 chuyển tạm giam ngày 20-10-2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17-10-2017, Lò Thị C, sinh năm 1980 trú tại Bản Poong, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa gọi điện và đến nhà rử Lương Thị Tầm đi sang bản Khăm Nàng – nước CHDCND Lào để mua ma túy sử dụng. Khi đến bản Táo, xã Trung Lý, thì Lò Thị Cưỡi để xe máy của mình tại nhà Lương Thị T, còn T lấy xe máy của gia đình mình mang biển kiểm soát 36K6-7365, nhãn hiệu HAMCO Wave chở Lò Thị C đi thẳng đến bản Khăm Nàng. Đến bản Khăm Nàng thì Lương Thị T và Lò Thị C vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông công an Lào, không quen biết, sau đó mỗi người mua của người phụ nữ này 01 gói hêrôin với số tiền là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) rồi chia nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Lò Thị C bảo Lương Thị T ngồi chờ để Lò Thị C đi tìm mua thuốc cai nghiện cho mình. Khi Lò Thị C đi ra khỏi nhà người phụ nữ dân tộc Mông này, thì Lương Thị T tiếp tục mua của người phụ nữ này một gói hêrôin với số tiền là 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng). Mua xong, Lương Thị T lấy ra một ít để sử dụng, số còn lại Lương Thị T cất vào túi áo. Khi Lương Thị T đang chuẩn bị sử dụng thì Lò Thị C quay lại nên T đã chia cho C một ít số hêrôin để cùng nhau sử dụng. Khi 02 người sử dụng xong hêrôin, thì đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Lương Thị T và Lò Thị C đi về Việt Nam, khi lên xe Lương Thị T cầm số hêrôin mua được trên tay và điều khiển xe máy, nhưng do đường dốc nên C đã xuống xe đi bộ còn T điều khiển xe máy và đặt gói hêrôin mua được xuống má lóc máy phía bên phải, dùng chân để đè, giữ. Khi đến chân dốc T tiếp tục điều khiển xe chở C đi, khi đến khu vực bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì Lương Thị T và Lò Thị C bị Lực lượng Công an huyện Mường Lát và Ban Công an xã Trung Lý yêu cầu dừng xe kiểm tra. Lúc này, Lương Thị T khảy chân phải của mình làm gói hêrôin đang ở má lóc máy xe máy rơi xuống lề đường, Tổ công tác yêu cầu Lương Thị T nhặt lên và Lương Thị T thừa nhận đó là gói hêrôin mà mình vừa mua trước đó ở bản Khăm Nàng. Lương Thị T bị bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đồng thời bị thu giữ toàn bộ số ma túy mua được trước đó, 01 xe máy, 01 điện thoại di động.

Tại bản kết luận giám định số: 2224/MT-PC54 ngày 19-10-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 1,694g (Một phẩy sáu trăm chín mươi bốn gam), loại: Hêrôin.

Cáo trạng số 02/CTr-VKS-MT ngày 04-12-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, thực hiện nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên áp dụng pháp luật hình sự theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015

và áp dụng khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ heroin là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện nên đã tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo Lương Thị T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Lương Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 điều 7, điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14:

Phạt Bị cáo Lương Thị T từ 24 tháng đến 26 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

-Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy và tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe máy HAMCO WAVE 110, màu xanh, BKS 36K6-7365 đã thu giữ của bị cáo.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 đã qua sử dụng cho Bị cáo Lương Thị Tầm vì đây không phải là công cụ, phương tiện phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, từ nhỏ không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chông lằm nương rẫy, số lượng ma túy tàng trữ là ít.

Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét áp dụng Công văn số 327/TANDTC-PC ngày 07-11-2016 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13-9-2016 về viện dẫn và hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội theo BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017; khoản 3 điều 7; điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33, khoản 1 điều 194 BLHS sửa đổi năm 2009 nhưng áp dụng khung hình phạt tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 để đưa ra phán quyết cho bị cáo mức án

phù hợp đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tham gia phiên tòa, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm phạm tội của bị cáo và tính chất vụ án: Ngày 17-10-2017, bị cáo đã đi sang Lào mua hêrôin với mục đích đem về để sử dụng cho bản thân. Tại Lào, bị cáo đã mua của 01 người đàn bà dân tộc Mông không quen biết 01 lượng hêrôin với số tiền là 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng), khi có hêrôin, trên đường bị cáo đi về nhà đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị cáo bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số: 2224/MT-PC54 ngày 19-10-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 1,694g (Một phẩy sáu trăm chín mươi bốn gam), loại: Hêrôin.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy và việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; việc sử dụng ma túy ảnh hưởng tới sức khỏe, thiệt hại về kinh tế của cá nhân và gia đình, đồng thời là một nguyên nhân lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, là mầm mống của tội phạm hình sự khác. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Như vậy, với hành vi của bị cáo, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo và trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo sau khi giám định đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định mức khởi điểm và mức cao nhất của khung hình phạt đều nhẹ hơn khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhận tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, được xem xét khi quyết định hình phạt.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự, thì Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để áp dụng đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt là phù hợp so với lượng ma túy bị cáo đã tàng trữ. Tuy nhiên, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, từ bỏ ma túy trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là cần thiết, nhằm răn đe và phòng ngừa những người có tư tưởng tương tự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nương rẫy, chồng bị cáo làm nương rẫy, gia đình không có nguồn thu nhập nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám là chất Nhà nước cấm lưu hành là vật chứng của vụ án, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy HAMCO WAVE 110, màu xanh ghi, biển kiểm soát 36K6-7365 đây là phương tiện phạm tội căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA 1280 đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo, đây không phải là phương tiện, công cụ, dụng cụ phạm tội, căn cứ khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] *Các nhận định khác:* Đối với người đàn bà dân tộc Mông công dân Lào đã bán heroin cho bị cáo và việc mua bán diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không thể xác minh để xử lý ở vụ án này.

Đối với Lò Thị Cưới là người đi cùng bị cáo sang bản Khảm Nàng –Lào mua ma túy và cùng sử dụng, Thì cơ quan Công an huyện Mường Lát đã ra quyết định xử phạt chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Việc Tắm mua ma túy và tàng trữ thì Lò Thị Cưới không biết, nên không thể xử lý với tư cách đồng phạm cùng với bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009 tương ứng với điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017); Điều 33; điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị Tắm phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Lương Thị T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (17-10-2017).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b, khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói niêm phong bên trong có 1,678g (Một phẩy sáu trăm bảy mươi tám gam) cục bột dạng nén màu trắng ngà còn lại sau giám định. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Nguyễn Văn Bằng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, phong bì niêm phong đảm bảo đúng quy định.

Tịch thu sung công công quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HAMCO WAVE 110 màu xanh, BKS 36K6-7365, số khung: 23P0010575; số máy 3001575, đã qua sử dụng. Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát thành lập Hội đồng bán đấu giá, số tiền thu được sung vào công quỹ Nhà nước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lương Thị T: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen, đã qua sử dụng.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-12-2017 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THA Dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Lương Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Áp dụng: Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử công khai; có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Lương Thị Tầm;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

